

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28-02-2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Lợi

2. Ông Mai Văn Thuận

- **Thư ký phiên toà:** Bà Võ Thị Mỹ Nhan - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà :** Bà Trần Thúy An- Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 686/2023/TLST - HNGĐ, ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXX-ST, ngày 15 tháng 02 năm 2024; giữa:

-*Nguyên đơn:* Chị Thị Cẩm T, sinh năm: 2003 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn D, sinh năm: 1992 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Thị Cẩm T trình bày: chị và anh Huỳnh Văn D được gia đình cha mẹ hai bên mai mối và tự nguyện đi đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 2021, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã Thạnh Lộc, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn. Kể từ khi về chung sống với nhau, hôn nhân giữa chị và anh D không có hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau nên sống với nhau được hai tháng, chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh D cho đến nay. Xét thấy, chị và anh D không thể nào chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng nên chị yêu cầu

ly hôn anh D. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, anh Huỳnh Văn D trình bày: Chị T xác định cưới nhau năm 2021 và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn là đúng. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, chị T không yêu cầu giải quyết anh thống nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: chị Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn D nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và anh D với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên đơn chị Thị Cẩm T và bị đơn Huỳnh Văn D có đơn xin vắng mặt tại Tòa án nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt chị T, anh D là có căn cứ phù hợp với quy định tại điểm a,b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự .

[2] Về nội dung vụ kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Thị Cẩm T và anh Huỳnh Văn D được gia đình cha mẹ hai bên mai mối nhưng tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lộc, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh, chị được xem là hợp pháp. Theo sự xác định của T, giữa chị và anh D chung sống vợ chồng với nhau được hai tháng thì phát sinh mâu thuẫn mà không thể nào hàn gắn được nên chị T đã sống ly thân với anh D kể từ thời điểm trên cho đến nay. Mặc khác, tại văn bản thể hiện ý kiến bị đơn anh Huỳnh Văn D đồng ý ly hôn với chị T nên xét thấy chị T và anh D thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh D.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh D cùng xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí. Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); do chị T, anh D thuận tình ly hôn nên mỗi người chỉ chịu một nửa án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng chị T tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ

vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002112 ngày 03/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thị Cẩm anh Huỳnh Văn D

2. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); do chị T, anh D thuận tình ly hôn nên mỗi người chỉ chịu một nửa án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng chị T tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002112 ngày 03/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày được tính kể từ ngày các đương sự nhận được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cẩm Hương